TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 08 – 2019
(V/việc xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Diệp Chí Nguyện
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Ánh Hoa
Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 561/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 534/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Phan Thúy A (tên gọi khác: Thúy V) sinh năm 1985.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Số 202, đường L, khóm H, phường M, TpC, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở hiện nay: số 98, đường N, khóm M, phường C, TpCà Mau (có mặt)

- ***Bị đơn***: Anh Huỳnh Quốc C, sinh năm 1980.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Khóm T, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở hiện nay: Số 04, đường T, khóm B, phường N, tp C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị A trình bày, chị và anh Huỳnh Quốc C chung sống với nhau vào năm 2004, nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cải vã nên không có hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn anh C đã đề nghị ly hôn nhiều lần, nhưng khi chị nộp đơn thì anh C thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn. Chị A xác định hiện vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân với nhau, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Ý kiến của anh C: Anh C trình bày, anh và chị A chung sống với nhau từ năm 2004 đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố C. Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn. Anh C xác định, hiện vợ chồng không còn

sống chung là do làm ăn mua bán nhiều nơi nên vợ chồng không ở chung nhà. Anh C xác định vẫn còn tình cảm với chị A nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị A xác định có 02 con chung tên Huỳnh Đăng K, sinh ngày 11/12/2005 và Huỳnh Mai K, sinh ngày 23/7/2013 hiện đang ở chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của anh C: Anh C xác định có 02 con chung tên Huỳnh Đăng Kh, sinh ngày 11/12/2005 và Huỳnh Mai K, sinh ngày 23/7/2013. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh chưa có ý kiến gì về vấn đề con chung, hiện tại anh chưa có suy nghĩ tới vấn đề ai là người nuôi dưỡng. Yêu cầu Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị A và anh C xác định có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A và anh C xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Phan Thúy A về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Quốc C thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh C là bị đơn có địa chỉ cư trú tại khóm B, phường N, Tp. C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ cho các đương sự, nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị A và anh C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004 đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn và được UBND phường H, thành phố C cấp giấy chứng nhận. Xét về mâu thuẫn của chị A và anh C trong thời gian chung sống vợ chồng là có xảy ra, chị A đã có gửi đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, nhưng chị đã rút đơn và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ số 179/2019/QĐST ngày 13/6/2019. Nay chị A xác định mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra, không giải quyết được, vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn. Đối với anh C xác định mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra không lớn, chưa đến mức phải ly hôn, nhưng anh C không có biện pháp để hàn gắng, thuyết phục cho chị A đoàn tụ, trở về cuộc sống của vợ chồng. Ngược lại, tại phiên tòa chị A xác định không còn tình cảm với anh C và cương quyết ly hôn. Trường hợp Tòa án không chấp nhận cho chị ly hôn thì cuộc sống của vợ chồng không thể hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn với anh C.

[4] Về con chung: Chị A và anh C xác định có 02 con chung tên Huỳnh Đăng K, sinh ngày 11/12/2005 và Huỳnh Mai K, sinh ngày 23/7/2013 hiện đang ở chung với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh C do không đồng ý ly hôn nên anh chưa có ý kiến gì về vấn đề con chung, yêu cầu Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn của chị A: Hiện cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 11/12/2005 và Huỳnh Mai K, sinh ngày 23/7/2013 do chị chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu còn nhỏ (chưa thành niên), theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình khi ly hôn cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên, trường hợp không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, xem xét về nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi lên đến dưới 18 tuổi, để đảm bảo quyền lợi của con. Đối với cháu Đăng K trình bày ý kiến nguyện vọng mong muốn được chung sống với mẹ (là chị Thúy A), còn cháu Mai K là nữ dưới 07 tuổi nên cần người mẹ trực tiếp chăm sóc sẽ tốt hơn. Và hiện tại cháu Đăng K và cháu Mai K đang chung sống với chị Thúy A, có cuộc sống ổn định. Tại phiên tòa, chị A xác định việc chị kinh doanh mua bán của chị có thu nhập trung bình trên 20.000.000đ/tháng đảm bảo cho cuộc sống của con. Đối với anh C trong quá trình giải quyết vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử anh C không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của chị Thúy A sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không trái với đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị A và anh C xác định có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị A và anh C xác định không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị A nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thúy A về việc xin ly hôn với anh Huỳnh Quốc C.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Đăng K, sinh ngày 11/12/2005 và Huỳnh Mai K, sinh ngày 23/7/2013 (hiện đang sống chung với chị A) cho chị A được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị A không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh C không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị A và anh C xác định có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị A và anh C xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị A nộp 300.000đ. Vào ngày 28 tháng 6 năm 2019, chị A đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 000358 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 2, TPCM
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Diệp Chí Nguyện